BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 69/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 1711
ĐẾN Ngày: 20.5.16
Chuyển: PKT

THÔNG TƯ

Quy định thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế hoặc gia công xuất khẩu xăng dầu, khí; dầu thô xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí.

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 09 tháng 6 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 12 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 03 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế hoặc gia công xuất khẩu xăng dầu, khí; dầu thô xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế hoặc gia công xuất khẩu xăng dầu, khí; dầu thô xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu và Thương nhân sản xuất xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

2. Thương nhân kinh doanh khí đầu mối được phép xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, chuyển cảng khí theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP và quy định của Bộ Công Thương.

3. Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất.

4. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

5. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí trên cơ sở Hợp đồng dầu khí ký kết với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo quy định của pháp luật.

6. Nhà thầu phụ, tổ chức cá nhân nhập khẩu bao gồm việc nhập khẩu trực tiếp, ủy thác, đấu thầu, đi thuê và cho thuê lại để cung cấp cho tổ chức, cá nhân

tiến hành hoạt động dầu khí thông qua Hợp đồng dịch vụ dầu khí hoặc Hợp đồng cung cấp hàng hóa.

7. Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu dầu thô.

8. Thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là Thương nhân giám định); cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng và Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định.

9. Đại lý làm thủ tục hải quan.

10. Công chức hải quan, cơ quan hải quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khí quy định tại Thông tư này là khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên hóa lỏng và khí thiên nhiên nén.

2. Khí dầu mỏ hóa lỏng là sản phẩm hydrocacbon có nguồn gốc dầu mỏ với thành phần chính là Propan (công thức hóa học C_3H_8) hoặc Butan (công thức hóa học C_4H_{10}) hoặc hỗn hợp của cả hai loại này, tên tiếng Anh: Liquefied Petroleum Gas (viết tắt là LPG); tại nhiệt độ, áp suất bình thường LPG ở thể khí và khi được nén đến một áp suất hoặc làm lạnh đến nhiệt độ nhất định LPG chuyển sang thể lỏng.

3. Khí thiên nhiên hóa lỏng là sản phẩm hydrocacbon ở thể lỏng, có nguồn gốc từ khí tự nhiên với thành phần chủ yếu là Metan (công thức hóa học CH_4), tên tiếng Anh: Liquefied Natural Gas (viết tắt là LNG); tại nhiệt độ, áp suất bình thường LNG ở thể khí và khi được làm lạnh đến nhiệt độ nhất định LNG chuyển sang thể lỏng.

4. Khí thiên nhiên nén là sản phẩm hydrocacbon ở thể khí được nén ở áp suất cao, có nguồn gốc từ khí tự nhiên với thành phần chủ yếu là Metan (công thức hóa học CH_4), tên tiếng Anh: Compressed Natural Gas (viết tắt là CNG).

5. Hóa chất quy định tại Thông tư này là hóa chất ở thể khí hoặc thể lỏng.

Điều 4. Một số quy định đặc thù

1. Thương nhân thực hiện kinh doanh tạm nhập tái xuất xăng dầu quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Thương nhân chỉ được bơm xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu từ phương tiện vận chuyển vào bồn, bể và ngược lại nếu đáp ứng các quy định:

a) Đối với xăng dầu, hóa chất, khí nhập khẩu, tạm nhập; nguyên liệu nhập khẩu:

a.1) Có tờ khai hải quan được đăng ký theo quy định;

a.2) Có giấy đăng ký giám định khối lượng có xác nhận của Thương nhân giám định hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định;

a.3) Có Biên bản lấy mẫu hoặc chứng từ lấy mẫu có xác nhận của Thương nhân với cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng (đối với trường hợp thuộc Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra nhà nước về chất lượng);

a.4) Có giám sát của cơ quan hải quan:

Căn cứ nội dung khai báo của Thương nhân tại ô "Phần ghi chú" trên tờ khai hải quan (ký hiệu bồn, bể; ngày, giờ dự kiến bơm), tình hình thực tế tại đơn vị, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu, tạm nhập quyết định biện pháp, hình thức giám sát phù hợp. Thương nhân chịu trách nhiệm bơm xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu từ phương tiện vận chuyển vào bồn, bể:

a.4.1) Hàng hóa được bơm vào bồn, bể đang chứa xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu hoặc các kho chứa được thiết kế nhiều đường ống dẫn liên hoàn thì phải đảm bảo cùng chủng loại với hàng hóa đã có sẵn trong bồn, bể chứa;

a.4.2) Thương nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bơm xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu theo khai báo; giữ nguyên trạng hàng hóa chứa trong bồn, bể cho đến khi có kết luận của cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với trường hợp hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra nhà nước về chất lượng và lô hàng được thông quan theo quy định.

b) Đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, tái xuất:

b.1) Có tờ khai hải quan được đăng ký theo quy định;

b.2) Có giám sát của cơ quan hải quan:

Căn cứ nội dung khai báo của Thương nhân tại ô "Phần ghi chú" trên tờ khai hải quan (thông báo vị trí dự kiến, ký hiệu bồn, bể; ngày, giờ dự kiến bơm), tình hình thực tế tại đơn vị, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất quyết định biện pháp, hình thức giám sát phù hợp. Thương nhân chịu trách nhiệm bơm xăng dầu, hóa chất, khí từ bồn, bể sang phương tiện vận chuyển để xuất ra nước ngoài hoặc để cung ứng (tái xuất) cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP hoặc xuất khẩu cho đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP.

c) Trường hợp các thông tin khai báo của Thương nhân tại ô "Phần ghi chú" quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này có thay đổi so với dự kiến thì trước khi bơm xăng dầu, hóa chất, khí, Thương nhân có văn bản gửi cơ quan hải quan nơi thực hiện giám sát (bằng hình thức fax hoặc gửi trực tiếp). Trường hợp phương tiện vận chuyển vào xếp hoặc dỡ hàng ngoài giờ hành chính hoặc trong ngày lễ thì trước khi bơm xăng dầu, hóa chất, khí, Thương nhân phải thông báo cho cơ quan hải quan qua điện thoại, email và nộp bổ sung vào ngày làm việc tiếp theo.

d) Các bồn, bể sau khi được bơm xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu chịu sự giám sát của cơ quan hải quan. Căn cứ vào loại hàng hóa, loại hình nhập khẩu và tình hình thực tế, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định việc niêm phong bồn, bể chứa trừ trường hợp bơm vào bồn, bể có hệ thống liên hoàn.

3. Kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với xăng dầu, hóa chất, khí nhập khẩu, tạm nhập; nguyên liệu nhập khẩu:

Xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu thuộc Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra nhà nước về chất lượng thực hiện lấy mẫu để kiểm tra chất lượng trước khi bơm từ phương tiện vận chuyển vào bồn, bể.

a) Khi có Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng lô hàng đáp ứng yêu cầu chất lượng nhập khẩu thì công chức hải quan ghi nhận trên Hệ thống việc Thương nhân nộp kết quả kiểm tra về chất lượng.

b) Trường hợp kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng lô hàng không đáp ứng yêu cầu chất lượng nhập khẩu, hàng hóa nhập khẩu:

b.1) Đối với lô hàng tái chế:

Trước khi thực hiện tái chế, Thương nhân có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu, tạm nhập kế hoạch tái chế (tờ khai nhập khẩu, loại hàng, số lượng, hình thức, thời gian, địa điểm tái chế) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tái chế. Sau khi tái chế, nếu xăng dầu, hóa chất, khí vẫn không đáp ứng yêu cầu chất lượng nhập khẩu thì toàn bộ xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu (cả cũ và mới) buộc phải xuất khẩu, tái xuất theo quy định tại điểm b.2 dưới đây và xử lý theo quy định về xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

b.2) Đối với lô hàng phải xuất khẩu, tái xuất:

Xuất khẩu, tái xuất toàn bộ số hàng hóa chứa trong bồn, bể.

Đối với hàng hóa phải có Giấy phép xuất khẩu hoặc đăng ký kế hoạch xuất khẩu, lượng hàng hóa phát sinh ngoài lượng nhập khẩu ban đầu khi kiểm tra không đạt chất lượng thì phải có Giấy phép hoặc đăng ký theo quy định.

4. Xác định lượng xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế hoặc gia công xuất khẩu xăng dầu, khí; dầu thô xuất khẩu, nhập khẩu:

Tỷ lệ hao hụt xăng dầu xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập – tái xuất; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế xăng dầu hoặc gia công xuất khẩu xăng dầu phải phù hợp với tỷ lệ hao hụt theo quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

a) Lượng xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế hoặc gia công xuất khẩu xăng dầu, khí vận chuyển bằng phương tiện vận tải đường thủy qua cửa khẩu cảng thủy nội địa, cửa khẩu cảng biển căn cứ theo Thông báo kết quả giám định về

lượng của Thương nhân giám định hoặc Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định.

Trường hợp giữa kết quả giám định và lượng thể hiện trên Hóa đơn, Vận đơn, Hợp đồng có chênh lệch thì xác định như sau:

a.1) Nếu lượng chênh lệch nằm trong dung sai của Hợp đồng nhưng không vượt quá tỷ lệ hao hụt theo quy định của Bộ Công Thương:

Trường hợp lượng xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu thể hiện trong Thông báo kết quả giám định về lượng có chênh lệch so với lượng xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu ghi trên Hóa đơn, Vận đơn, Hợp đồng nhưng phù hợp với dung sai xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu ghi trên Hợp đồng do tính chất hàng hóa thì lượng xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu để tính thuế là lượng trên Thông báo kết quả giám định của Thương nhân giám định hoặc Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định.

a.2) Nếu lượng chênh lệch không thuộc trường hợp quy định tại điểm a.1 khoản này:

Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục đối chiếu các thông tin (lượng, trị giá) trên tờ khai với Hóa đơn bán hàng (hoặc Phiếu xuất kho), Đơn đặt hàng, Thông báo kết quả giám định về lượng, ý kiến giải trình của Thương nhân để xem xét cụ thể.

b) Lượng xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, tái xuất vận chuyển bằng xe téc, xe bồn qua cửa khẩu đường bộ (cửa khẩu chính, cửa khẩu quốc tế) căn cứ theo đồng hồ đo hoặc cân xe tại kho khi bơm xăng dầu, hóa chất, khí vào téc, bồn xe (phương pháp cân xe chỉ áp dụng đối với mặt hàng dầu FO, khí xuất khẩu, tái xuất); trường hợp không có đồng hồ đo thì căn cứ Thông báo kết quả giám định về lượng của thương nhân giám định hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định hoặc Phiếu kết quả thử nghiệm của Thương nhân kinh doanh xăng dầu, hóa chất, khí.

Những nơi không có thương nhân giám định thì lượng xăng dầu, hóa chất, khí được xác định bằng Barem phương tiện vận chuyển.

c) Đối với xăng dầu cung ứng cho tàu biển (bao gồm xăng dầu đã nhập khẩu hoặc xăng dầu đã tạm nhập) được xác định như sau:

c.1) Xăng dầu bơm trực tiếp từ kho xuống tàu biển được xác định bằng đồng hồ đo của kho chứa.

c.2) Xăng dầu bơm từ kho xuống phương tiện vận tải để tiếp tục vận chuyển cung ứng cho tàu biển:

c.2.1) Lượng xăng dầu bơm từ kho xuống phương tiện vận chuyển được xác định bằng đồng hồ đo của kho chứa trên đất liền;

c.2.2) Lượng xăng dầu này bơm từ phương tiện vận chuyển sang tàu biển được xác định bằng một trong các phương pháp: Barem (của phương tiện vận chuyển hoặc khoang chứa nhiên liệu của tàu biển), đồng hồ đo (của phương tiện

vận tải hoặc tàu biển) tùy theo điều kiện cụ thể của từng tàu biển và phù hợp với thông lệ được áp dụng đối với mặt hàng này;

c.2.3) Lượng xăng dầu trên Biên bản giao nhận nhiên liệu giữa phương tiện vận tải và tàu biển là cơ sở để xác nhận thông quan theo quy định;

c.2.4) Trường hợp có chênh lệch giữa đồng hồ đo của kho chứa và Biên bản giao nhận nhiên liệu, Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập căn cứ Biên bản giao nhận nhiên liệu, Hóa đơn và chứng từ thanh toán, ý kiến giải trình của thương nhân để xác định lượng xăng dầu thực xuất khẩu, tái xuất và thực hiện thanh khoản tờ khai tạm nhập.

d) Đối với nhiên liệu bay cung ứng cho máy bay (bao gồm nhiên liệu đã nhập khẩu hoặc nhiên liệu đã tạm nhập): Nhiên liệu cung ứng cho máy bay được xác định bằng đồng hồ đo lưu lượng của phương tiện tra nạp chuyên dụng cho máy bay;

đ) Đối với xăng dầu cung ứng cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP: Xăng dầu cung ứng cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP được xác định bằng một trong các phương pháp: Đồng hồ đo của kho chứa hoặc Barem của phương tiện vận tải vận chuyển xăng dầu, khí;

e) Cân, đồng hồ đo xác định lượng xăng dầu, hóa chất, khí phải được kiểm định theo quy định của pháp luật về đo lường và niêm phong của Thương nhân (trừ đồng hồ đo của máy bay, tàu biển).

Trường hợp sử dụng Barem để xác định lượng thì phải có Giấy chứng nhận hiệu chuẩn còn hiệu lực do cơ quan kiểm định hoặc tổ chức giám định độc lập cấp;

g) Lượng dầu thô xuất khẩu, nhập khẩu căn cứ theo Thông báo kết quả giám định về lượng của thương nhân giám định hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định;

h) Đơn vị tính lượng của xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu và dầu thô được quy đổi theo đơn vị tính quy định tại Thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

5. Kiểm tra thực tế xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất và nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế hoặc gia công xuất khẩu xăng dầu, khí; dầu thô xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí tại cảng dầu khí ngoài khơi:

a) Đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế hoặc gia công xuất khẩu xăng dầu, khí:

a.1) Trường hợp lô hàng phải kiểm tra thực tế hàng hóa, công chức hải quan căn cứ Thông báo kết quả giám định về lượng, Thông báo kết quả kiểm tra

nhà nước về chất lượng, Chứng thư giám định về chủng loại lô hàng hoặc Phiếu kết quả thử nghiệm của Thương nhân (trừ trường hợp xăng dầu cung ứng cho máy bay) để cập nhật kết quả trên Hệ thống.

Trường hợp có nghi vấn kết quả giám định, cơ quan hải quan lựa chọn tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định kiểm tra phục vụ quản lý nhà nước hoặc thương nhân giám định (đối với trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định kiểm tra có văn bản từ chối). Kết luận của tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định kiểm tra phục vụ quản lý nhà nước hoặc thương nhân giám định có giá trị để các bên thực hiện. Nếu người khai hải quan không đồng ý với kết luận này thì thực hiện khiếu nại theo quy định của pháp luật.

a.2) Đối với xăng dầu xuất khẩu, tái xuất cho doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP thì kết quả kiểm tra thực tế căn cứ Biên bản giao nhận nhiên liệu hoặc chứng từ khác xác nhận việc giao nhiên liệu hoặc kết quả đo đồng hồ hoặc barem của phương tiện vận tải cung ứng giữa phương tiện vận tải vận chuyển xăng dầu với doanh nghiệp, Chứng thư giám định về chủng loại hoặc Phiếu kết quả thử nghiệm của Thương nhân.

b) Đối với dầu thô xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí tại cảng dầu khí ngoài khơi:

b.1) Lô hàng dầu thô xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí tại cảng dầu khí ngoài khơi thực hiện kiểm tra hồ sơ hàng hóa; trừ trường hợp doanh nghiệp ưu tiên thực hiện theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

b.2) Trường hợp lô hàng dầu thô xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí tại cảng dầu khí ngoài khơi phải thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa thì căn cứ nội dung thông báo của Thương nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Thông tư này, các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thông tin liên quan lô hàng tại thời điểm khai báo, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở văn bản đề nghị cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của doanh nghiệp để xem xét quyết định không kiểm tra thực tế hàng hóa. Trường hợp có dấu hiệu nghi vấn thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định thực hiện kiểm tra, giám sát trực tiếp bởi công chức hải quan theo quy định.

6. Về lấy mẫu xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập; nguyên liệu nhập khẩu: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 /3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

7. Xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu nhập khẩu, tạm nhập được thông quan khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có Giấy thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với hàng hóa thuộc Danh mục phải kiểm tra nhà nước về chất lượng;

b) Thương nhân hoàn thành khai báo bổ sung điều chỉnh (nếu có), trừ trường hợp khai báo bổ sung điều chỉnh về giá do chưa có giá chính thức tại thời điểm làm thủ tục tạm nhập, nhập khẩu;

c) Hoàn thành nghĩa vụ về thuế (đã nộp thuế hoặc thực hiện bảo lãnh thuế).

8. Đối với xăng dầu chuyển tải, sang mạn:

a) Thương nhân thực hiện chuyển tải, sang mạn xăng dầu tại các vị trí do cơ quan Cảng vụ hàng hải hoặc do Bộ Giao thông vận tải hoặc tại các vị trí do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định; chuyển tải, sang mạn xăng dầu từ tàu lớn hoặc phương tiện vận tải khác mà cảng Việt Nam không có khả năng tiếp nhận trực tiếp do cơ quan cảng vụ quy định theo khoản 15 Điều 9 Nghị định 83/2014/NĐ-CP;

b) Thương nhân thực hiện khai báo với Chi cục Hải quan quản lý khu vực chuyển tải, sang mạn trước khi thực hiện việc chuyển tải, sang mạn theo quy định dưới đây:

b.1) Thương nhân có trách nhiệm khai rõ vị trí được phép chuyển tải sang mạn; tên, loại, hô hiệu (nếu có) phương tiện vận chuyển xăng dầu và phương tiện vận tải khác thực hiện việc chuyển tải, sang mạn; thời gian, lượng xăng dầu dự kiến thực hiện chuyển tải sang mạn và vị trí neo đậu của phương tiện vận chuyển xăng dầu chuyển tải sang mạn. Chủ tàu có trách nhiệm neo đậu tại vị trí đã đăng ký cho đến khi hoàn thành các điều kiện để được bơm lên kho và hoàn thành thủ tục hải quan.

b.2) Đối với lô xăng dầu của cùng một doanh nghiệp trên tàu vận tải nhập cảnh, Thương nhân mở tờ khai theo từng tàu chuyển tải, sang mạn. Việc xác định lượng xăng dầu chuyển tải sang mạn căn cứ theo Thông báo kết quả giám định về lượng tại tàu chuyển tải, sang mạn.

c) Cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc chuyển tải, sang mạn trên nguyên tắc quản lý rủi ro theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị và các thông tin nêu tại điểm b.1 khoản này, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan chỉ đạo đơn vị liên quan có kế hoạch, biện pháp giám sát trọng tâm, trọng điểm việc chuyển tải, sang mạn xăng dầu và giao đơn vị thực hiện hoặc báo cáo Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố để phân công, điều phối các lực lượng khác phối kết hợp trong việc giám sát việc chuyển tải, sang mạn.

Trường hợp giám sát hải quan trực tiếp đối với hoạt động chuyển tải sang mạn thì phải được lập thành Biên bản giám sát và lưu tại bộ hồ sơ hải quan. Thương nhân có trách nhiệm bố trí phương tiện và điều kiện để công chức hải quan thực hiện giám sát việc chuyển tải sang mạn.

9. Thời hạn lưu giữ tại Việt Nam đối với xăng dầu, hóa chất, khí kinh doanh tạm nhập tái xuất thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 187/2013/NĐ-CP.

10. Xăng dầu, hóa chất, khí đã tạm nhập nhưng không tái xuất hoặc tái xuất không hết được chuyển tiêu thụ nội địa theo loại hình chuyển tiêu thụ nội địa từ nguồn tạm nhập (sau đây gọi tắt là xăng dầu, hóa chất, khí chuyển tiêu thụ nội địa).

Thương nhân đăng ký tờ khai mới để làm thủ tục đối với lượng xăng dầu, hóa chất, khí được chuyển tiêu thụ nội địa theo loại hình nhập khẩu tương ứng; chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu; chính sách thuế (bao gồm chính sách thuế ưu đãi - nếu có) đối với hàng hóa nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan ban đầu.

11. Cơ sở để xác định xăng dầu, hóa chất, khí đã xuất khẩu đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, tái xuất:

a) Đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, tái xuất qua cửa khẩu đường biển, cảng chuyển tải, khu chuyển tải; xăng dầu cung ứng cho tàu biển, máy bay xuất cảnh; xăng dầu, khí xuất khẩu, tái xuất đưa vào kho ngoại quan là tờ khai hàng hóa xuất khẩu đã được thông quan và được xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát" trên Hệ thống;

b) Đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, tái xuất qua cửa khẩu đường bộ, đường sông là tờ khai hàng hóa xuất khẩu đã được thông quan và được công chức hải quan xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát" trên Hệ thống;

c) Đối với xăng dầu, khí cung ứng cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP là tờ khai hàng hóa xuất khẩu, tờ khai hàng hóa nhập khẩu đã được thông quan.

12. Trường hợp xăng dầu cung ứng (đã làm thủ tục tái xuất) cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP nhưng vì lý do khách quan không chạy tuyến quốc tế xuất cảnh hoặc có xuất cảnh nhưng chạy thêm chặng nội địa:

a) Thương nhân thực hiện thủ tục chuyển tiêu thụ nội địa đối với lượng xăng dầu đã làm thủ tục tái xuất hoặc lượng xăng dầu đã làm thủ tục tái xuất xuất nhưng sử dụng chạy chặng nội địa (phù hợp với bản định mức lượng xăng dầu chạy chặng nội địa do Thương nhân kê khai, chịu trách nhiệm và nộp cho cơ quan hải quan);

b) Thương nhân thực hiện khai bổ sung lượng xăng dầu cung ứng cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP phù hợp với Đơn đặt hàng của thuyền trưởng hoặc chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền cho một chuyến hành trình quốc tế xuất cảnh.

13. Trường hợp doanh nghiệp là đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP mua xăng dầu của Thương nhân có Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu; doanh nghiệp là đối tượng quy định tại khoản 3, Điều 19, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP mua khí của thương nhân đầu mối thì doanh nghiệp thực hiện thủ tục nhập khẩu theo loại hình tương ứng.

Doanh nghiệp mua xăng dầu, khí chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng xăng dầu, khí mua của Thương nhân quy định tại khoản này chỉ để phục vụ hoạt động, vận hành của máy móc, thiết bị tham gia quá trình sản xuất.

14. Đối với nhiên liệu xăng dầu chứa trong phương tiện chuyên dụng tự hành hoặc không tự hành tạm nhập tái xuất (vừa là phương tiện tự hành hoặc không tự hành đến Việt Nam, vừa là thiết bị, máy móc nhập khẩu hoặc tạm nhập tái xuất phục vụ thi công công trình, dự án đầu tư):

a) Sau khi phương tiện chuyên dụng hoàn thành thủ tục nhập cảnh: Chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu căn cứ lượng nhiên liệu khai báo trên Bản khai dự trữ tàu (trường hợp phương tiện tự hành); lượng nhiên liệu chứa trong phương tiện do chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu xác định (trường hợp phương tiện không tự hành); đồng thời thông báo với cơ quan hải quan về lượng xăng dầu dự kiến tiêu thụ tại Việt Nam, lượng xăng dầu tái xuất theo tàu và thực hiện như sau:

a.1) Thực hiện kê khai trên tờ khai hải quan giấy và làm thủ tục nhập khẩu, nộp thuế đối với lượng xăng dầu dự kiến tiêu thụ tại Việt Nam;

a.2) Thực hiện kê khai trên tờ khai hải quan giấy và làm thủ tục tạm nhập đối với lượng xăng dầu dự kiến tái xuất theo tàu, nộp thuế hoặc xuất trình chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với số tiền thuế tương ứng với số xăng dầu dự kiến tái xuất kèm theo văn bản cam kết sẽ thực hiện nộp đầy đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp (nếu có) khi hết thời hạn bảo lãnh. Điều kiện, thủ tục bảo lãnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

b) Khi phương tiện chuyên dụng làm thủ tục xuất cảnh, chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu thực hiện kê khai lượng xăng dầu thực tế sử dụng tại Việt Nam theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và làm thủ tục xuất khẩu hoặc tái xuất đối với lượng xăng dầu nhập khẩu, tạm nhập còn tồn chứa trong tàu;

c) Nếu số tiền thuế phải nộp tính trên lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ nội địa nhỏ hơn số tiền thuế đã nộp thì chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu được hoàn trả lại số tiền thuế nộp thừa. Thủ tục hoàn thuế đối với lượng xăng dầu đã nộp thuế khi tạm nhập nhưng thực tế không tiêu thụ tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 49, Điều 132 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

d) Trường hợp số tiền thuế thực tế phải nộp tính trên lượng xăng dầu tiêu thụ nội địa lớn hơn số tiền thuế đã nộp thì chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu phải nộp bổ sung tiền thuế thiếu và tiền chậm nộp theo quy định;

đ) Trường hợp lượng xăng dầu nhập khẩu chứa trong phương tiện chuyên dụng thuộc Danh mục hàng hóa phải kiểm tra nhà nước về chất lượng thì khi làm thủ tục nhập cảnh không phải đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng;

15. Tỷ lệ hao hụt đối với hoạt động nhập, xuất, tồn, bảo quản, tồn trữ:

a) Đối với mặt hàng xăng dầu:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT;

b) Đối với mặt hàng hóa chất, khí, nguyên liệu:

Thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương. Trường hợp Bộ Công Thương chưa có quy định thì được xác định căn cứ vào Thông báo kết quả giám định về lượng hóa chất, khí, nguyên liệu của Thương nhân giám định hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định, định mức quản lý nội bộ của doanh nghiệp. Trường hợp có nghi vấn kết quả giám định thì xử lý theo quy định tại điểm a.1 khoản 5 Điều này.

16. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập phục vụ hoạt động dầu khí tại cảng dầu khí ngoài khơi có Vận đơn cảng đích là các cảng dầu khí ngoài khơi được chuyển thẳng đến cảng đích ghi trên Vận đơn. Việc làm thủ tục hải quan được tiến hành tại Chi cục Hải quan được phân công phụ trách cảng dầu khí ngoài khơi.

17. Hàng hóa của doanh nghiệp ưu tiên thực hiện theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC hoặc Thông tư này.

18. Ngoài các quy định đặc thù nêu tại Thông tư này, hồ sơ, trình tự các bước thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế hoặc gia công xuất khẩu xăng dầu, khí; dầu thô xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập phục vụ hoạt động dầu khí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

19 . Các phương tiện tạm nhập và tàu biển nước ngoài cập cảng Việt Nam được mua xăng dầu có nguồn gốc nhập khẩu, sản xuất trong nước từ các nhà cung ứng xăng dầu nội địa theo hình thức trực tiếp để sử dụng trong thời gian hoạt động tại Việt Nam theo các quy định dưới đây:

a) Không thực hiện thủ tục hải quan;

b) Không được hoàn thuế nhập khẩu (đối với trường hợp mua xăng dầu từ nguồn gốc nhập khẩu), không được hoàn thuế xuất khẩu (đối với trường hợp mua xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước);

c) Trước khi xuất cảnh chủ tàu hoặc đại lý tàu phải thực hiện thủ tục hải quan đối với lượng xăng dầu mua tại Việt Nam nhưng không sử dụng hết trong thời gian neo đậu tại Việt Nam theo quy định tại điểm b, khoản 14 Điều này.

20. Thương nhân xuất nhập khẩu xăng dầu có trách nhiệm xây dựng phần mềm theo dõi, quản lý lượng xăng dầu vào kho, từ kho đưa vào kho nội địa, hoặc tái xuất, xuất khẩu và kết nối dữ liệu với cơ quan hải quan theo quy định.

Điều 5. Thuế và lệ phí

1. Thuế, lệ phí hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế hoặc gia công xuất khẩu xăng dầu, khí; dầu thô xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Về tỷ lệ thuế xuất khẩu dầu thô:

Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu dầu thô căn cứ thông báo của người khai hải quan (thông báo này đồng kính gửi cơ quan thuế cùng thời hạn thông báo tỷ lệ thuế tài nguyên tạm tính đối với từng hợp đồng dầu thô) để thực hiện.

CHƯƠNG II
THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI XĂNG DẦU, HÓA CHẤT, KHÍ, NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU, TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

Mục 1
Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí nhập khẩu, tạm nhập

Điều 6. Địa điểm làm thủ tục hải quan

1. Xăng dầu, hóa chất, khí nhập khẩu, tạm nhập thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập được phép nhập khẩu hoặc tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu nơi Thương nhân có hệ thống kho nội địa chứa xăng dầu, hóa chất, khí nhập khẩu, tạm nhập theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cầu cảng được Cục Hàng hải Việt Nam công bố thuộc địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu thì được phép thực hiện thủ tục hải quan theo quy định.

2. Doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP mua xăng dầu từ nguồn tạm nhập, nhập khẩu; doanh nghiệp trong khu phi thuế quan mua khí của Thương nhân được bán quy định tại khoản 3, Điều 19, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP thực hiện thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan quản lý doanh nghiệp.

Điều 7. Hồ sơ hải quan

1. Chứng từ phải nộp:

a) Tờ khai hảng hóa nhập khẩu theo các chỉ tiêu thông tin tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Trường hợp thực hiện trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, người khai hải quan khai và nộp 02 bản chính tờ khai hảng hóa nhập khẩu theo mẫu HQ/2015/NK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

b) Hóa đơn thương mại: 01 bản chụp;

c) Vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị khác tương đương đối với trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển theo quy định của pháp luật (trừ xăng dầu, khí tái xuất, xuất khẩu cho doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, đối tượng quy định tại khoản 3, Điều 19, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP): 01 bản chụp;

d) Giấy đăng ký giám định lượng; Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với xăng dầu, hóa chất, khí thuộc Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra nhà nước về chất lượng: 01 bản chụp;

đ) Hợp đồng mua hàng hóa nhập khẩu (đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất): 01 bản chụp;

e) Trường hợp một lô hảng phải khai trên nhiều tờ khai hoặc hàng hóa nhập khẩu thuộc nhiều loại hình, có chung vận tải đơn, Hóa đơn, khai trên nhiều tờ khai theo từng loại hình hàng hóa nhập khẩu tại một Chi cục Hải quan thì người khai hải quan chỉ phải nộp 01 bộ hồ sơ hải quan (trong trường hợp nộp hồ sơ giấy cho cơ quan hải quan); các tờ khai sau ghi rõ "chung chứng từ với tờ khai số... ngày..." vào ô "Phần ghi chú".

Đối với các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 18 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, người khai hải quan chỉ phải nộp, xuất trình, lưu một bộ hồ sơ hải quan của các tờ khai hải quan thuộc cùng một lô hàng;

g) Trường hợp Thương nhân làm thủ tục lần đầu tại Chi cục Hải quan thì nộp thêm các giấy tờ sau (trừ trường hợp cung ứng (tái xuất), xuất khẩu xăng dầu, khí cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, khoản 3, Điều 19, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP):

g.1) Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu: 01 bản chụp;

g.2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc văn bản có giá trị tương đương: 01 bản chụp;

g.3) Bản hạn mức nhập khẩu xăng dầu tối thiểu do Bộ Công Thương cấp: 01 bản chụp.

h) Giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu: 01 bản chính;

Trường hợp áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi các chứng từ quy định tại điểm đ, điểm g, điểm h khoản này dưới dạng điện từ thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.

2. Thời hạn Thương nhân nộp các chứng từ cho Chi cục Hải quan:

Các chứng từ nêu trên phải nộp khi cơ quan hải quan kiểm tra chi tiết hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa trừ các chứng từ sau:

a) Giấy thông báo kết quả giám định về lượng: Phải nộp trong thời hạn không quá 08 (tám) giờ làm việc kể từ khi bơm xong xăng dầu, hóa chất, khí từ phương tiện vận tải lên kho hoặc lên phương tiện vận tải khác để vận chuyển tiếp trong nội địa;

b) Giấy thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng: Phải nộp trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi bơm xong xăng dầu, hóa chất, khí từ phương tiện vận tải lên kho hoặc lên phương tiện vận tải khác để vận chuyển tiếp trong nội địa.

Đối với các chứng từ quy định tại điểm a, điểm b khoản này, nếu áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi Giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan;

c) Hóa đơn thương mại:

c.1) Tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, trường hợp chưa có giá chính thức, Thương nhân thực hiện tạm nộp thuế theo giá khai báo. Thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

c.2) Ngày có giá chính thức là ngày bên bán phát hành hóa đơn chính thức. Việc khai báo và nộp thuế chênh lệch (nếu có) theo giá chính thức thực hiện theo quy định tại điểm b.1 khoản 1 Điều 17 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; không phải nộp tiền chậm nộp trên số tiền thuế chênh lệch phải nộp;

c.3) Thời hạn nộp chậm Hóa đơn thương mại bản chụp không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Điều 8. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu, tạm nhập

1. Thực hiện thủ tục, công tác giám sát, quản lý hải quan theo từng loại hình tương ứng quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư này.

2. Căn cứ văn bản đề nghị được gia hạn thời hạn xăng dầu, hóa chất, khí tạm nhập tái xuất lưu giữ tại Việt Nam của Thương nhân, Chi cục Hải quan xem xét, chấp nhận gia hạn theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Thông tư này. Lãnh đạo

Chi cục Hải quan ký tên, đóng dấu trên văn bản đề nghị của Thương nhân và lưu hồ sơ theo quy định, đồng thời thực hiện gia hạn thời hạn tạm nhập trên Hệ thống (đối với trường hợp thực hiện thủ tục hải quan điện tử).

3. Theo dõi Thương nhân thực hiện thanh khoản tờ khai tạm nhập theo thời hạn quy định; thực hiện hoàn thuế, không thu thuế theo quy định tại Điều 10 Thông tư này; xử lý các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ thuế và vi phạm (nếu có) theo quy định hiện hành.

Trường hợp xăng dầu, hóa chất, khí tạm nhập tái xuất quá thời hạn lưu giữ tại Việt Nam (bao gồm cả thời hạn được gia hạn) thì Chi cục Hải quan xác định lại số tiền thuế phải nộp, xem xét xử lý vi phạm (nếu có) và đôn đốc doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định.

4. Thực hiện theo quy định về việc xử lý vi phạm hành chính đối với xăng dầu, hóa chất, khí nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng nhập khẩu theo quyết định của cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng.

5. Trường hợp xăng dầu cung ứng (tái xuất) cho tàu biển chạy tuyến quốc tế xuất cảnh thì thực hiện tra cứu thông tin trên hệ thống hải quan điện tử đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh (E-Manifest) để làm cơ sở xác định tàu đã thực xuất cảnh. Trường hợp chưa thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh (E-Manifest) thì yêu cầu Thương nhân nộp bổ sung Giấy phép rời cảng.

Điều 9. Trách nhiệm của Thương nhân

1. Đảm bảo nguyên trạng đối với xăng dầu, hóa chất, khí nhập khẩu (bao gồm cả cũ và mới - nếu có) trong thời gian chờ Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng của lô hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

2. Trường hợp cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng xăng dầu, hóa chất, khí nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu nhập khẩu, Thương nhân chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

3. Thực hiện quyết định xử lý vi phạm của cơ quan hải quan theo quy định (nếu có).

Điều 10. Hoàn thuế, không thu thuế tờ khai hải quan tạm nhập

1.Về hoàn thuế, không thu thuế thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

2. Đối với xăng dầu cung ứng cho đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP tại Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục xuất cảnh tàu chưa thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh (E-Manifest) thì khi thực hiện hoàn thuế, không thu thuế yêu cầu Thương nhân nộp bổ sung Giấy phép rời cảng.

Mục 2
Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, tái xuất

Điều 11. Địa điểm làm thủ tục hải quan

1. Xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu được thực hiện thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất.

2. Xăng dầu, hóa chất, khí tái xuất được thực hiện thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan nơi đã làm thủ tục tạm nhập chính lô xăng dầu, hóa chất, khí đó; hoặc tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu nơi Thương nhân có hệ thống kho nội địa chứa xăng dầu, hóa chất, khí nhập khẩu, tạm nhập.

3. Xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, tái xuất thực xuất ra nước ngoài qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hồ sơ hải quan

1. Hồ sơ hải quan đối với xuất khẩu xăng dầu, hóa chất, khí:

a) Tờ khai hàng hóa xuất khẩu theo các chỉ tiêu thông tin tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Trường hợp thực hiện trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, người khai hải quan khai và nộp 02 bản chính tờ khai hàng hóa xuất khẩu theo mẫu HQ/2015/XK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

b) Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu: 01 bản chụp;

c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc văn bản có giá trị tương đương: 01 bản chụp;

d) Chứng thư giám định lượng (đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 Thông tư này): 01 bản chụp.

đ) Hóa đơn thương mại: 01 bản chụp;

e) Văn bản nêu rõ nguồn gốc xăng dầu, khí xuất khẩu (nguồn do Thương nhân nhập khẩu hoặc mua của Thương nhân đầu mối nhập khẩu hoặc lấy từ nguồn sản xuất, pha chế xăng dầu, khí): 01 bản chụp;

g) Văn bản xác nhận của Bộ Công Thương về đăng ký kế hoạch sản xuất, nhập khẩu nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm xăng dầu: 01 bản chụp;

h) Giấy phép xuất khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu: 01 bản chính;

Trường hợp áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi các chứng từ quy định tại điểm b, điểm c, điểm g, điểm h khoản này dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.

2. Hồ sơ hải quan đối với tái xuất xăng dầu, hóa chất, khí:

a) Ngoài các chứng từ phải nộp theo quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm h khoản 1 Điều này, Thương nhân nộp bổ sung 01 bản chụp hợp đồng bán hàng, phụ lục hợp đồng (nếu có);

b) Trường hợp lô hàng tạm nhập được thực hiện trên tờ khai giấy theo mẫu HQ/2015/NK Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì khi làm thủ tục tái xuất, người khai hải quan được thực hiện khai báo trên tờ khai hải quan giấy theo mẫu HQ/2015/NK Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

c) Khi làm thủ tục tái xuất, thương nhân phải khai báo thông tin về số tờ khai tạm nhập, số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tương ứng với từng dòng hàng tái xuất để Hệ thống theo dõi trừ lùi; Hệ thống tự động thực hiện trừ lùi theo số lượng trên tờ khai tạm nhập tương ứng.

Một tờ khai tạm nhập có thể được sử dụng để làm thủ tục tái xuất nhiều lần; một tờ khai tái xuất hàng hóa chỉ được khai báo theo một tờ khai tạm nhập hàng hóa tương ứng. Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tái xuất kiểm tra thông tin về tờ khai hải quan tạm nhập trên Hệ thống để làm thủ tục tái xuất.

Trường hợp khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy thì người khai hải quan phải khai cụ thể số tờ khai tạm nhập nào ô "Chứng từ đi kèm" của tờ khai hàng hóa xuất khẩu theo mẫu HQ/2015/XK Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Điều 13. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất

1. Thực hiện thủ tục, công tác giám sát, quản lý hải quan theo từng loại hình tương ứng quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư này.

2. Kiểm tra tình trạng khoang chứa xăng dầu, hóa chất, khí của phương tiện vận chuyển, nếu không có nghi vấn và đáp ứng điều kiện niêm phong hải quan thì Thương nhân được bơm xăng dầu, hóa chất, khí vào phương tiện vận chuyển.

3. Sau khi Thương nhân kết thúc việc bơm xăng dầu, hóa chất, khí vào khoang chứa của phương tiện vận chuyển, công chức hải quan thực hiện niêm phong các khoang chứa của phương tiện vận chuyển theo quy định.

4. Trường hợp xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, tái xuất qua cửa khẩu khác với cửa khẩu làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất để xuất ra nước ngoài hoặc xuất khẩu, tái xuất cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, khoản 3, Điều 19, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP: Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất trong việc bàn giao, quản lý và giám sát quá trình vận chuyển xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, tái xuất.

5. Trường hợp nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất xăng dầu cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP khác với nơi làm thủ tục nhập khẩu, tạm nhập: Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu, tạm nhập trong việc bàn giao, quản lý và giám sát quá trình vận chuyển xăng dầu xuất khẩu, tái xuất.

Điều 14. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất; Chi cục Hải quan quản lý doanh nghiệp mua xăng dầu, khí theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, khoản 3, Điều 19, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP

1. Thực hiện thủ tục, công tác giám sát, quản lý hải quan theo từng loại hình tương ứng quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư này.

2. Đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, tái xuất qua cửa khẩu đường bộ:

a) Kiểm tra niêm phong hải quan bồn, bể, khoang chứa xăng dầu, hóa chất, khí của phương tiện vận tải. Trường hợp còn nguyên niêm phong thì thực hiện giám sát việc xuất hàng qua cửa khẩu, đảm bảo toàn bộ lô hàng phải được thực xuất qua biên giới (đối với trường hợp tái xuất qua cửa khẩu biên giới đất liền);

b) Trường hợp phát hiện niêm phong không còn nguyên vẹn hoặc có dấu hiệu vi phạm về sự thay đổi lượng, trọng lượng, chủng loại xăng dầu, hóa chất, khí, cơ quan hải quan lựa chọn tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định kiểm tra phục vụ quản lý nhà nước hoặc Thương nhân giám định (đối với trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định kiểm tra có văn bản từ chối). Nếu kết quả giám định đúng với bộ hồ sơ thì lập Biên bản xác nhận, thực hiện giám sát việc xuất hàng qua cửa khẩu. Nếu kết quả giám định xác định có thay đổi về lượng, trọng lượng, chủng loại thì lập Biên bản vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Khi phương tiện vận chuyển xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, tái xuất quay về (trừ xuất khẩu, tái xuất bằng đường biển), công chức hải quan tiến hành kiểm tra phương tiện vận tải nhập cảnh theo quy định nhằm phát hiện hàng nhập lậu hoặc xăng dầu, hóa chất, khí không xuất khẩu, tái xuất hết quay lại tiêu thụ trong nội địa.

3. Đối với xăng dầu, khí cung ứng (tái xuất) cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, khoản 3, Điều 19, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP: Chi cục Hải quan nơi quản lý doanh nghiệp thực hiện các công việc quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Lượng xăng dầu, hóa chất, khí của 01 (một) tờ khai xuất khẩu, tái xuất được vận chuyển trên 01 (một) hoặc nhiều phương tiện vận tải phải xuất hết trong 01 (một) lần qua một cửa khẩu hoặc cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, khoản 3, Điều 19, khoản 2 Điều

35 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP (trừ xăng dầu cung ứng cho máy bay được quy định tại Mục 10 Chương II Thông tư này).

Điều 15. Trách nhiệm của Thương nhân

1. Thực hiện thủ tục hải quan theo quy định.

2. Đảm bảo giữ nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan trong quá trình vận chuyển đến cửa khẩu xuất, đến các doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, khoản 3, Điều 19, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 19/2016/NĐ-CP.

3. Trường hợp xăng dầu, hóa chất, khí tái xuất qua cửa khẩu khác cửa khẩu nơi làm thủ tục tái xuất, Thương nhân chịu trách nhiệm vận chuyển đúng tuyến đường, đúng điểm dừng, thời gian, cửa khẩu đã đăng ký với cơ quan hải quan và đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan. Thời gian vận chuyển xăng dầu, hóa chất, khí sau khi được bơm lên phương tiện vận tải vận chuyển xăng dầu, hóa chất, khí tái xuất đến cửa khẩu tái xuất không quá 05 (năm) ngày.

Trường hợp vì lý do khách quan không thể vận chuyển hàng hóa đúng tuyến đường, thời gian thì Thương nhân phải có văn bản giải trình rõ nguyên nhân, biện pháp xử lý, khắc phục cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai và Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất biết để theo dõi, giám sát.

4. Cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác theo các tiêu chí của Hệ thống khai báo hải quan điện tử; đảm bảo tính chính xác, trung thực và nhất quán của hồ sơ hải quan với dữ liệu khai báo.

Mục 3
Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí chuyển tiêu thụ nội địa

Điều 16. Nguyên tắc thực hiện

1. Xăng dầu, hóa chất, khí tạm nhập chuyển tiêu thụ nội địa thực hiện đúng quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

2. Việc chuyển tiêu thụ nội địa chỉ được thực hiện sau khi người khai hải quan hoàn thành thủ tục hải quan đối với tờ khai hải quan mới.

3. Xăng dầu, hóa chất, khí tạm nhập thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra nhà nước về chất lượng, khi chuyển tiêu thụ nội địa cũng phải được cơ quan có thẩm quyền thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng (trừ trường hợp khi làm thủ tục tạm nhập đã được kiểm tra nhà nước về chất lượng).

4. Xăng dầu, hóa chất, khí chuyển tiêu thụ nội địa, người nộp thuế phải kê khai, nộp đủ tiền thuế, tiền phạt (nếu có) theo quy định.

Điều 17. Địa điểm làm thủ tục hải quan

Thủ tục chuyển tiêu thụ nội địa xăng dầu, hóa chất, khí thực hiện tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tạm nhập hoặc tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu nơi chứa lượng xăng dầu, hóa chất, khí xin chuyển tiêu thụ nội địa.

Điều 18. Hồ sơ hải quan

1. Thương nhân thực hiện đăng ký tờ khai hải quan theo từng loại hình tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư này.

2. Đối với trường hợp xăng dầu, hóa chất, khí thuộc Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra nhà nước về chất lượng thì phải nộp Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng khi làm thủ tục tạm nhập hoặc Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng khi làm thủ tục chuyển tiêu thụ nội địa (đối với trường hợp khi tạm nhập chưa thực hiện kiểm tra về chất lượng): 01 bản chụp.

3.Trường hợp xăng dầu, hóa chất, khí chuyển tiêu thụ nội địa được lấy tại các kho chứa nội địa khác của Thương nhân (khác với kho chứa khi làm thủ tục tạm nhập), Thương nhân nộp bổ sung 01 bản chụp Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng và Thông báo kết quả giám định về lượng tại kho chứa nội địa đó.

4. Lượng xăng dầu, hóa chất, khí chuyển tiêu thụ nội địa căn cứ trên lượng xăng dầu, hóa chất, khí khi tạm nhập (có Chứng thư giám định lượng) và kết quả trừ lùi, thanh khoản của các tờ khai tái xuất xăng dầu, hóa chất, khí đã hoàn thành thủ tục hải quan theo quy định của tờ khai đó.

Điều 19. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục chuyển tiêu thụ nội địa

1. Thực hiện thủ tục hải quan theo loại hình nhập khẩu tương ứng.

2. Thực hiện điều chỉnh tiền thuế của tờ khai hải quan cũ tương ứng với số hàng hóa chuyển tiêu thụ nội địa đã được kê khai trên tờ khai hải quan mới như sau:

a) Trường hợp người nộp thuế chưa nộp thuế của tờ khai hải quan cũ: Sau khi số tiền thuế của tờ khai mới đã được nộp, cơ quan hải quan ban hành Quyết định điều chỉnh giảm tiền thuế của tờ khai cũ;

b) Trường hợp người nộp thuế đã nộp thuế của tờ khai hải quan cũ: Cơ quan hải quan ban hành Quyết định điều chỉnh giảm tiền thuế của tờ khai hải quan cũ, sau đó thực hiện hoàn thuế kiêm bù trừ giữa số tiền thuế của tờ khai hải quan cũ và số thuế của tờ khai hải quan mới (thực hiện xử lý tương tự như tiền thuế nộp thừa). Nếu số tiền thuế của tờ khai hải quan cũ ít hơn so với số tiền thuế phải nộp của tờ khai hài quan mới, người nộp thuế phải nộp bổ sung tiền

còn thiếu hoặc bù trừ tiền thuế nộp thừa của tờ khai khác so với tiền thuế còn thiếu trước khi hoàn thành thủ tục chuyển tiêu thụ nội địa, nếu thừa thì cơ quan hải quan sẽ hoàn trả theo đúng quy định. Trình tự thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả thực hiện theo quy định tại Điều 132 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Quyết định điều chỉnh thuế thực hiện theo mẫu số 03/QĐĐC/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Thời hạn hoàn thuế kiêm bù trừ giữa số thuế của tờ khai hải quan cũ và số thuế của tờ khai hải quan mới thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Trong thời gian cơ quan hải quan xử lý hoàn thuế kiêm bù trừ giữa số thuế đã nộp của tờ khai hải quan cũ và số thuế của tờ khai hải quan mới, người nộp thuế không bị tính chậm nộp tiền thuế.

Điều 20. Trách nhiệm của Thương nhân

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 Thông tư này.

2. Chịu trách nhiệm chuyển tiêu thụ nội địa lượng xăng dầu, hóa chất, khí tạm nhập nhưng không tái xuất hoặc tái xuất không hết trong thời hạn được lưu lại tại Việt Nam.

Thực hiện quyết định xử lý vi phạm của cơ quan hải quan đối với trường hợp chuyển tiêu thụ nội địa xăng dầu, hóa chất, khí tạm nhập quá thời hạn tái xuất.

3. Kê khai, nộp đủ thuế theo quy định trên tờ khai hải quan mới và ghi rõ số tờ khai hải quan hàng hóa tạm nhập ban đầu, hình thức chuyển tiêu thụ nội địa vào ô "Phần ghi chú" của tờ khai hải quan điện tử hoặc ô "Ghi chép khác" trên tờ khai hải quan giấy.

Trường hợp người nộp thuế chuyển tiêu thụ nội địa nhưng không tự giác kê khai, nộp thuế với cơ quan hải quan, nếu cơ quan hải quan hoặc cơ quan chức năng khác kiểm tra, phát hiện thì người nộp thuế bị ấn định số tiền thuế phải nộp theo tờ khai hải quan hàng hóa tạm nhập ban đầu và bị xử phạt theo quy định hiện hành. Người nộp thuế có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế còn thiếu, tiền chậm nộp và tiền phạt (nếu có) theo quyết định của cơ quan hải quan.

Mục 4
Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí kinh doanh chuyển khẩu; xăng dầu, hóa chất, khí quá cảnh

Điều 21. Thủ tục hải quan

1. Xăng dầu, hóa chất, khí kinh doanh chuyển khẩu được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam thì không phải làm thủ tục hải quan.

2. Xăng dầu, hóa chất, khí kinh doanh chuyển khẩu được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu, có đưa vào khu vực kho bãi thuộc các cảng biển Việt Nam (không đưa vào kho ngoại quan, không đưa vào khu vực trung chuyển hàng hóa):

Chi cục Hải quan nơi có hàng hóa nhập khẩu chuyển khẩu thực hiện việc giám sát hàng hóa cho đến khi xăng dầu, hóa chất, khí thực xuất khẩu ra khỏi Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 89 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

3. Xăng dầu, hóa chất, khí được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, khu vực trung chuyển hàng hóa tại các cảng Việt Nam thì làm thủ tục hải quan theo quy định đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan, khu vực trung chuyển hàng hóa tại cảng Việt Nam.

Điều 22. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí quá cảnh

Thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Điều 50 Điều 51 Điều 52 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Mục 5
Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế xăng dầu, khí; gia công xuất khẩu xăng dầu, khí

Điều 23. Thủ tục hải quan

1. Nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế xăng dầu, khí xuất khẩu thực hiện theo hướng dẫn đối với hàng hóa là nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

2. Trường hợp Thương nhân có chức năng kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu, khí nhập khẩu nguyên liệu để pha chế xăng dầu, khí, sau đó vận chuyển xăng dầu, khí đến địa điểm khác nằm ngoài nơi sản xuất để làm thủ tục xuất khẩu thì:

a) Thương nhân phải có văn bản gửi Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập nguyên liệu và Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất sản phẩm biết để theo dõi;

b) Địa điểm lưu giữ sản phẩm xuất khẩu phải nằm trong địa bàn hoạt động của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất và được phân công là địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu ở biên giới;

c) Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập nguyên liệu và Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất sản phẩm phải mở sổ theo dõi lượng sản phẩm vận chuyển đi và đến do Thương nhân thông báo.

Điều 24. Thủ tục hải quan

Nguyên liệu nhập khẩu để gia công xuất khẩu xăng dầu, khí thực hiện theo hướng dẫn đối với hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để gia công xuất khẩu sản phẩm quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Mục 6
Thủ tục hải quan đối với khí, nguyên liệu xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường ống chuyên dụng

Điều 25. Quy định riêng

1. Xác định lượng khí, nguyên liệu nhập khẩu:

a) Thương nhân xuất khẩu phải lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng khí, nguyên liệu để xác định tổng lượng khí, nguyên liệu xuất khẩu và Thương nhân nhập khẩu phải lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng khí, nguyên liệu để xác định tổng lượng khí, nguyên liệu nhập khẩu, cụ thể:

a.1) Đồng hồ xác định lượng khí, nguyên liệu xuất khẩu, nhập khẩu được lắp đặt tại vị trí dễ kiểm tra, quan sát và đảm bảo nguyên tắc sau:

a.1.1) Đối với Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu: Đồng hồ đo lượng khí, nguyên liệu xuất khẩu lắp đặt tại điểm đầu của đường ống dẫn cung cấp khí, nguyên liệu (điểm nối trên mặt đất trước khi đường ống dẫn ngầm dưới đất).

a.1.2) Đối với Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu: Đồng hồ đo lượng khí, nguyên liệu nhập khẩu lắp đặt tại điểm bắt đầu của đường ống dẫn khí, nguyên liệu (điểm nối trên mặt đất trước khi đường ống dẫn cung cấp vào nhà máy).

a.1.3) Đối với trường hợp lắp đặt các đường ống song song (đường nhánh) có hoặc không lắp đồng hồ đo lượng khí, nguyên liệu qua đường nhánh thì phải đảm bảo khí, nguyên liệu chỉ được cấp qua một đường nhánh. Các đường nhánh còn lại phải được khóa van và được niêm phong hải quan.

b) Thanh khoản lượng khí, nguyên liệu trên tờ khai xuất khẩu khí, nguyên liệu trên đường ống:

Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu thực hiện việc thanh khoản lượng khí, nguyên liệu xuất khẩu và lượng khí, nguyên liệu nhập khẩu căn cứ:

b.1) Tờ khai xuất khẩu;

b.2) Tờ khai nhập khẩu;

b.3) Trường hợp lượng khí, nguyên liệu xuất khẩu chưa phù hợp tổng lượng khí, nguyên liệu nhập khẩu của các Thương nhân nhập khẩu trên cùng một đường ống, cho phép Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu được khai bổ sung theo quy định của pháp luật;

b.4) Biên bản xác nhận chỉ số đồng hồ của Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu và các Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu.

2. Nguyên tắc giám sát, quản lý:

a) Trên cơ sở định mức, dung sai, áp suất nén khí, nguyên liệu (bao gồm tỷ lệ tiêu hao thất thoát khí, nguyên liệu trên đường ống) do Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí, nguyên liệu xây dựng, cơ quan hải quan thực hiện giám sát, quản lý theo nguyên tắc sau:

Tổng lượng khí, nguyên liệu thể hiện trên đồng hồ bên cung cấp (bên bán) bằng bên nhập (bên mua) cộng lượng khí, nguyên liệu tồn đọng trên đường ống, Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu phát hiện có gian lận.

b) Đồng hồ đo lưu lượng khí, nguyên liệu phải được cơ quan tiêu chuẩn đo lường nhà nước kiểm tra, xác nhận, niêm phong và được kiểm tra định kỳ theo quy định của pháp luật.

c) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế, quyết định thời điểm, số lần xác nhận chỉ số đồng hồ trong thời gian nhất định để kiểm tra giám định và thông báo cho các Thương nhân liên quan. Kết quả giám định đồng hồ đo và đường ống dẫn là căn cứ để ghi kết quả kiểm tra. Trường hợp có nghi vấn kết quả giám định, cơ quan hải quan lựa chọn tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định kiểm tra phục vụ quản lý nhà nước hoặc Thương nhân giám định (đối với trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định kiểm tra có văn bản từ chối). Kết luận của tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định kiểm tra phục vụ quản lý nhà nước hoặc Thương nhân giám định có giá trị để các bên thực hiện. Nếu người khai hải quan không đồng ý với kết luận này thì thực hiện khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Địa điểm làm thủ tục hải quan

Tại Chi cục Hải quan quản lý Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí, nguyên liệu.

Điều 27. Hồ sơ hải quan

Hồ sơ hải quan đối với khí, nguyên liệu xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường ống chuyên dụng thực hiện theo hướng dẫn đối với xăng dầu, khí xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Điều 7, Điều 12 Thông tư này.

Điều 28. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí, nguyên liệu

1. Khi nhận được văn bản thông báo về cung cấp khí, nguyên liệu, Bản đồ đường ống ngầm cung cấp khí, nguyên liệu, Biên bản thỏa thuận giữa Thương nhân xuất khẩu và các Thương nhân nhập khẩu, Chi cục Hải quan quản lý có trách nhiệm bố trí cán bộ giám sát và ký xác nhận chỉ số đồng hồ tại thời điểm

xác nhận theo Biên bản. Trường hợp không thể thực hiện được phải thông báo với các Thương nhân và nêu rõ lý do; thống nhất phương án thay đổi thời điểm xác nhận.

2. Giám sát xác nhận chỉ số trên đồng hồ của Thương nhân xuất khẩu và các Thương nhân nhập khẩu tại cùng một thời điểm.

3. Tại thời điểm bắt đầu cấp khí, nguyên liệu: Đăng ký tờ khai hải quan căn cứ theo hợp đồng hoặc dự kiến mức tiêu thụ.

4. Tại thời điểm xác nhận chỉ số đồng hồ đối với trường hợp Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu và các Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu cùng đăng ký mở tờ khai theo tháng thì xác nhận chỉ số đồng hồ theo tháng tại đồng hồ của Thương nhân xuất khẩu và các Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu tại cùng thời điểm đã thỏa thuận và thanh khoản theo tháng.

5. Đối với trường hợp Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu đăng ký tờ khai theo năm, xuất khẩu khí, nguyên liệu theo tháng thì xác nhận tờ khai xuất khẩu khí, nguyên liệu của Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu theo chỉ số đồng hồ của Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu; xác nhận tờ khai nhập khẩu khí, nguyên liệu của Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu theo chỉ số đồng hồ của Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu.

6. Xác nhận chỉ số đồng hồ của Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu và các Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu tại cùng thời điểm theo Biên bản thỏa thuận khi kết thúc hợp đồng.

7. Căn cứ Hóa đơn, chứng từ phát hành của bên bán và biên bản xác nhận chỉ số đồng hồ của Thương nhân xuất khẩu và các Thương nhân nhập khẩu, kết quả giám định của Thương nhân giám định độc lập để thông quan cho lô hàng.

Điều 29. Trách nhiệm của Thương nhân

1. Đối với Thương nhân xuất khẩu:

a) Trước khi cung cấp khí, nguyên liệu cho các bên nhập khẩu khí, nguyên liệu trên cùng một đường ống, Thương nhân xuất khẩu tiến hành:

a.1) Có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan về việc sử dụng đường ống cung cấp cho các bên nhập khẩu khí, nguyên liệu, bao gồm: Bản đồ đường ống cung cấp khí, nguyên liệu có xác nhận của Ban quản lý khu chế xuất, Biên bản thỏa thuận cấp khí, nguyên liệu chung một đường ống giữa Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu và các Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu thống nhất thời điểm xác nhận chỉ số đồng hồ đo lưu lượng khí, nguyên liệu khi đăng ký tờ khai hải quan, có chữ ký của Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu và các Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu;

a.2) Trường hợp đăng ký tờ khai xuất khẩu, tờ khai nhập khẩu khí, nguyên liệu theo tháng, thì Thương nhân xuất khẩu khí và các Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu thống nhất chọn một ngày trong tháng theo Biên bản thỏa thuận thực hiện đăng ký mở tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu lượng khí,

nguyên liệu căn cứ theo hợp đồng hoặc dự kiến mức tiêu thụ, nộp thuế theo quy định tại Điều 36 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

a.3) Trường hợp tờ khai xuất khẩu đăng ký một lần trong thời hạn hợp đồng không quá một năm để xuất khẩu khí, nguyên liệu nhiều lần, Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu và các Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu thống nhất chọn một ngày để đăng ký tờ khai theo từng tháng. Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu kê khai lượng khí, nguyên liệu theo chỉ số đồng hồ Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu vào ngày Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu xác định chỉ số đồng hồ lưu lượng khí, nguyên liệu đặt tại Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu;

b) Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu và các Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu thống nhất thời điểm xác nhận chỉ số đồng hồ để thanh khoản tờ khai xuất khẩu khí, nguyên liệu khi hết hợp đồng. Căn cứ vào Biên bản thống nhất trên, Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu thông báo bằng văn bản cho Chi cục Hải quan quản lý trước thời điểm xác nhận chỉ số đồng hồ 03 (ba) ngày làm việc;

c) Thời điểm xác nhận chỉ số đồng hồ sẽ là căn cứ để tính lượng khí và, nguyên liệu từ thời điểm đó đến thời điểm xác nhận chỉ số đồng hồ tiếp theo;

d) Thương nhân xuất khẩu khí, nguyên liệu căn cứ vào thực tế đường ống cấp khí, nguyên liệu, tính chất vật lý của từng loại khí, nguyên liệu để xây dựng định mức dung sai áp suất nén khí, nguyên liệu (bao gồm lượng khí, nguyên liệu thất thoát) tiêu hao trên đường ống phù hợp với thực tế định mức dung sai đồng hồ và chịu trách nhiệm về các định mức này trước pháp luật. Trong trường hợp có nghi ngờ, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan yêu cầu Thương nhân xuất khẩu trưng cầu giám định độc lập về các định mức trên;

đ) Trường hợp có sự thay đổi đường ống như bảo dưỡng, thay thế hoặc nối ghép đường ống ngầm cung cấp khí, nguyên liệu cho Thương nhân nhập khẩu, Thương nhân xuất khẩu phải thực hiện như quy định tại điểm a.1, a.2 khoản 1 Điều này.

2. Đối với Thương nhân nhập khẩu khí, nguyên liệu:

Có trách nhiệm thống nhất thời điểm đăng ký tờ khai nhập khẩu khí, nguyên liệu lần đầu và thời điểm xác nhận lượng khí, nguyên liệu thanh khoản theo tháng và theo năm theo Biên bản giữa các bên quy định tại điểm a.2 khoản 1 Điều này.

Mục 7
Thủ tục hải quan đối với xăng dầu xuất khẩu, tái xuất cho tàu biển

Điều 30. Địa điểm làm thủ tục hải quan

Xăng dầu xuất khẩu, tái xuất cho tàu biển được thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất hoặc tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu nơi Thương nhân có hệ thống kho nội địa chứa xăng dầu nhập khẩu, tạm nhập.

Điều 31. Hồ sơ hải quan

1. Đối với xuất khẩu xăng dầu:

Hồ sơ bao gồm các chứng từ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này. Ngoài ra, Thương nhân nộp bổ sung:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Hợp đồng đại lý với công ty cung ứng tàu biển: 01 bản chụp (nộp lần đầu);

b) Đơn đặt hàng (order) của thuyền trưởng hoặc chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền: 01 bản chính hoặc bản fax; e-mail; telex có xác nhận của giám đốc hoặc người được giám đốc ủy quyền ký tên, đóng dấu và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của chứng từ;

c) Phiếu xuất kho: 01 bản chụp;

d) Biên bản giao nhận nhiên liệu giữa phương tiện vận tải vận chuyển xăng dầu và tàu biển: 01 bản chụp;

đ) Hóa đơn bán hàng hoặc chứng từ thanh toán: 01 bản chụp.

2. Đối với tái xuất xăng dầu:

Hồ sơ bao gồm các chứng từ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này. Ngoài ra, Thương nhân nộp bổ sung:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Hợp đồng đại lý với công ty cung ứng tàu biển: 01 bản chụp (nộp lần đầu);

b) Đơn đặt hàng (order) của thuyền trưởng hoặc chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu hoặc hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền: 01 bản chính hoặc bản fax; e-mail; telex có xác nhận của giám đốc hoặc người được giám đốc ủy quyền ký tên, đóng dấu theo quy định và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của chứng từ. Trong đơn đặt hàng phải thể hiện rõ nội dung:

b.1) Cảng đến tiếp theo là cảng nước ngoài;

b.2) Nếu cảng tiếp theo là cảng biển, cảng sông Việt Nam (tàu chuyển cảng) thì phải có định mức lượng xăng dầu tiêu thụ chạy chặng nội địa (từ cảng hiện tại tới cảng xuất cảnh thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố khác quản lý);

b.3) Lượng xăng dầu chạy tuyến quốc tế xuất cảnh;

b.4) Thời gian dự kiến xuất cảnh phải phù hợp với thời gian hiệu lực của tờ khai và thời gian lưu giữ xăng dầu tái xuất tại Việt Nam;

b.5) Tên, loại, số hô hiệu (nếu có) tàu mua xăng dầu từ nguồn tạm nhập trên tờ khai hải quan;

b.6) Cam kết về tính chính xác và sử dụng lượng xăng dầu đúng mục đích;

c) Phiếu xuất kho: 01 bản chụp;

d) Biên bản giao nhận nhiên liệu giữa phương tiện vận tải vận chuyển xăng dầu và tàu biển: 01 bản chụp;

đ) Hóa đơn bán hàng hoặc chứng từ thanh toán: 01 bản chụp.

Điều 32. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất; Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu nơi có hệ thống kho nội địa chứa xăng dầu nhập khẩu, tạm nhập

1. Thực hiện thủ tục, công tác giám sát, quản lý theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư này.

2. Trường hợp xăng dầu cung ứng cho tàu biển tại Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất hoặc tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu nơi có hệ thống kho nội địa chứa xăng dầu nhập khẩu, tạm nhập:

a) Thực hiện giám sát việc cung ứng xăng dầu cho tàu biển từ khi xăng dầu được bơm từ kho xuống tàu biển hoặc xuống phương tiện vận tải và giao hết cho tàu biển theo quy định tại điểm b.2 khoản 2 Điều 4 và lập Biên bản xác nhận giám sát theo Mẫu 01/BBGS/XDCUTB ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Căn cứ lượng xăng dầu trên Biên bản giao nhận nhiên liệu và việc tàu đã thực xuất cảnh (căn cứ thông báo tàu rời cảng trên Hệ thống hải quan điện tử E-Manifest hoặc Bản khai chung tàu xuất cảnh của Chi cục Hải quan nơi hoàn thành thủ tục cho tàu xuất cảnh trong trường hợp tàu biển thực hiện thủ tục xuất cảnh bằng hồ sơ thủ công), công chức hải quan xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát" trên Hệ thống hoặc trên tờ khai hải quan giấy về lượng xăng dầu đã tái xuất theo quy định;

c) Trường hợp xăng dầu cung ứng cho tàu biển nhưng vì lý do khách quan tàu biển không tiếp nhận được lượng xăng dầu theo đơn đặt hàng hoặc tiếp nhận ít hơn so với lượng xăng dầu đã khai báo trên tờ khai xuất khẩu, tái xuất thì công chức hải quan thực hiện nhiệm vụ giám sát có trách nhiệm xác nhận và ghi nhận trên Hệ thống hoặc trên tờ khai xuất khẩu, tái xuất về lượng xăng dầu thực tế đã xuất khẩu, tái xuất và yêu cầu Thương nhân nộp bản chính Biên bản giao nhận nhiên liệu;

d) Giám sát trọng điểm đối với tàu biển đã nhận xăng dầu cung ứng còn neo đậu tại cảng, chưa xuất cảnh.

3. Trường hợp xăng dầu cung ứng cho tàu biển tại Chi cục Hải quan nơi tàu biển neo đậu:

a) Lập Biên bản bàn giao xăng dầu cung ứng và niêm phong hồ sơ xuất khẩu, tái xuất theo quy định đối với hàng chuyển cửa khẩu. Trên Biên bản bàn giao phải mô tả cụ thể tình trạng xăng dầu cung ứng (tên hàng, chủng loại hàng, lượng hàng); tình trạng phương tiện vận tải vận chuyển xăng dầu cung ứng (tên, đặc điểm, tuyến đường, ngày, giờ xuất phát; tình trạng niêm phong); tình trạng tàu biển (tên, đặc điểm, tuyến đường, ngày giờ xuất phát);

b) Chủ trì và phối hợp với Chi cục Hải quan nơi tàu biển neo đậu trong việc bàn giao, quản lý và giám sát quá trình vận chuyển, cung ứng xăng dầu cho tàu biển;

c) Phối hợp với Chi cục Hải quan nơi tàu biển neo đậu để xử lý trường hợp tàu biển không tiếp nhận được lượng xăng dầu theo hợp đồng mua bán hoặc theo đơn đặt hàng hoặc tiếp nhận ít hơn so với lượng xăng dầu đã khai báo trên tờ khai xuất khẩu, tái xuất theo quy định tại khoản 12 Điều 4 Thông tư này.

4. Mở tờ khai theo loại hình nhập khẩu tương ứng đối với lượng xăng dầu tiêu thụ chặng nội địa và mở tờ khai tái xuất đối với lượng xăng dầu tái xuất thực tế; tính thuế và thu thuế đối với lượng xăng dầu tiêu thụ chặng nội địa hoặc lượng xăng dầu đã làm thủ tục tái xuất cho tàu biển chạy tuyến quốc tế xuất cảnh nhưng vì lý do khách quan thay đổi lịch trình (có thêm chặng nội địa). Thời điểm tính thuế là thời điểm mở tờ khai mới, đơn giá tính thuế là đơn giá trên tờ khai tạm nhập.

5. Trên cơ sở đơn đặt hàng do Thương nhân nộp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 31 Thông tư này, thực hiện theo dõi và yêu cầu doanh nghiệp giải trình về định mức xăng dầu nếu có dấu hiệu vi phạm; phối hợp với cơ quan chức năng liên quan, cơ quan giám định để xử lý vi phạm khi Thương nhân có vi phạm về định mức.

6. Trường hợp Thương nhân đăng ký nhiều tờ khai tái xuất xăng dầu cung ứng cho tàu biển chạy tuyến quốc tế xuất cảnh của cùng một tờ khai tạm nhập trong cùng một thời điểm:

a) Đối với tờ khai tái xuất thứ nhất:

a.1) Thương nhân đăng ký tờ khai tái xuất và thực hiện bơm xăng dầu lên phương tiện vận chuyển dưới sự giám sát của công chức hải quan;

a.2) Kết thúc bơm hàng, khi có số liệu chính xác, Thương nhân làm thủ tục bổ sung điều chỉnh lượng trên tờ khai;

a.3) Công chức hải quan thực hiện niêm phong, thông quan tờ khai và các bước nghiệp vụ theo quy định.

b) Trường hợp đăng ký tờ khai tái xuất thứ hai (trở lên) cùng lúc, khi tờ khai tái xuất thứ nhất chưa thông quan:

b.1) Thương nhân có văn bản thông báo kế hoạch tái xuất xăng dầu gửi Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tái xuất đề nghị cho bơm hàng lên phương tiện trước khi đăng ký tờ khai tái xuất dưới sự giám sát của cơ quan hải quan. Trong văn bản phải thể hiện rõ các nội dung: Thời gian, địa điểm, phương tiện vận chuyển, loại hàng hóa, số lượng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với hàng hóa;

b.2) Khi được Lãnh đạo Chi cục chấp thuận, công chức hải quan tiến hành giám sát việc bơm hàng và niêm phong hải quan theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 13 Thông tư này;

b.3) Thương nhân chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa và phương tiện vận chuyển đã được niêm phong hải quan nằm trong khu vực giám sát hải quan;

b.4) Khi tờ khai tái xuất trước đã được thông quan, Thương nhân tiếp tục đăng ký tờ khai tái xuất cho lô hàng theo văn bản đã gửi cho cơ quan hải quan. Cơ quan hải quan tiếp tục thực hiện các bước theo quy định;

b.5) Phương tiện vận chuyển hàng hóa chỉ được rời khỏi khu vực giám sát hải quan sau khi công chức hải quan hoàn tất hồ sơ và Biên bản bàn giao cho Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất.

Điều 33. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi tàu biển neo đậu

1. Trường hợp tàu biển nhận cung ứng xăng dầu và làm thủ tục xuất cảnh tại cùng một Cục Hải quan tỉnh, thành phố:

a) Tiếp nhận Biên bản bàn giao xăng dầu cung ứng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 32 Thông tư này. Thực hiện giám sát việc cung ứng xăng dầu cho tàu biển theo quy định tại điểm b.2 khoản 2 Điều 4 Thông tư này và lập Biên bản xác nhận theo Mẫu 02/BBGS/XDCUTB ban hành kèm theo Thông tư này; thông báo cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất để xử lý các phát sinh;

b) Thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 32 Thông tư này.

2. Trường hợp tàu đã tiếp nhận xăng dầu cung ứng chưa xuất cảnh mà thay đổi lịch trình xuất cảnh (chuyển cảng) nhưng chưa có định mức lượng xăng dầu tiêu thụ chạy chặng nội địa quy định tại điểm b.2 khoản 2 Điều 31 Thông tư này, Chi cục Hải quan nơi tàu biển neo đậu:

a) Tiếp nhận thông tin trên Hệ thống hải quan điện tử E-Manifest trong trường hợp tàu biển thực hiện thủ tục chuyển cảng hoặc Bản khai chung tàu chuyển cảng của Chi cục Hải quan nơi hoàn thành thủ tục cho tàu chuyển cảng trong trường hợp tàu biển thực hiện thủ tục chuyển cảng bằng hồ sơ thủ công;

b) Yêu cầu Thương nhân thực hiện đúng quy định tại khoản 4 Điều 35 Thông tư này, Điều 20, khoản 2 Điều 51 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

c) Thông báo cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất để phối hợp xử lý. Fax Thông báo và Phiếu trao đổi thông tin cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục cho tàu biển xuất cảnh để phối hợp xử lý;

d) Tiếp nhận bản fax hồi báo Phiếu trao đổi thông tin từ Chi cục Hải quan nơi hoàn thành thủ tục cho tàu xuất cảnh;

đ) Căn cứ thời gian tàu biển xuất cảnh trên Phiếu trao đổi thông tin của Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục cho tàu xuất cảnh:

đ.1) Trường hợp ngày xuất cảnh của tàu biển còn thời hạn hiệu lực đối với tờ khai tái xuất: Công chức hải quan giám sát nơi cung ứng xăng dầu cho tàu

biển xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát" trên Hệ thống hoặc trên tờ khai hải quan giấy về lượng xăng dầu đã xuất khẩu, tái xuất theo quy định;

đ.2) Trường hợp ngày xuất cảnh của tàu biển quá thời hạn hiệu lực đối với tờ khai tái xuất gửi thông báo cho Chi cục nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất để phối hợp xử lý.

Điều 34. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi tàu biển xuất cảnh

1. Tiếp nhận thông tin từ Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất.

2. Tiếp nhận thông tin, Phiếu trao đổi thông tin từ Chi cục Hải quan nơi giám sát cung ứng xăng dầu fax.

3. Sau khi hoàn thành thủ tục cho tàu biển xuất cảnh, xác nhận và fax hồi báo Phiếu trao đổi thông tin cho Chi cục Hải quan nơi giám sát cung ứng xăng dầu.

4. Lưu Phiếu trao đổi thông tin theo quy định.

Điều 35. Trách nhiệm của Thương nhân

1. Mở tờ khai theo loại hình nhập kinh doanh đối với lượng xăng dầu tiêu thụ chặng nội địa tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tạm nhập (phù hợp với bản định mức lượng xăng dầu chạy chặng nội địa do Thương nhân nộp cho cơ quan hải quan) và mở tờ khai tái xuất đối với lượng xăng dầu tái xuất thực tế tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tái xuất xăng dầu.

2. Nộp đủ các loại thuế theo quy định đối với lượng xăng dầu chạy tuyến nội địa theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Thông tư này.

3. Đối với tàu biển quốc tịch Việt Nam chạy tuyến quốc tế xuất cảnh:

Mỗi lần Thương nhân cung ứng (tái xuất) xăng dầu chỉ được cung ứng đúng lượng xăng dầu theo đơn đặt hàng (Order) của thuyền trưởng hoặc chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền; hoặc Hợp đồng đã ký giữa Thương nhân cung ứng và chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu hoặc doanh nghiệp quản lý khai thác tàu (nếu có).

4. Trường hợp xăng dầu cung ứng (đã làm thủ tục tái xuất) cho tàu biển nhưng vì lý do khách quan tàu biển không xuất cảnh chạy tuyến quốc tế hoặc có xuất cảnh nhưng chạy thêm chặng nội địa thì thuyền trưởng hoặc chủ tàu hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền có trách nhiệm thông báo cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất xăng dầu, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất (đối với trường hợp tàu biển xuất cảnh tại cửa khẩu khác với cửa khẩu nơi làm thủ tục tái xuất) biết để được giải quyết các thủ tục tiếp theo và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thông báo và nội dung thông báo này.

5. Sau khi hoàn thành việc giao xăng dầu cho tàu biển, Thương nhân nộp bản chính Biên bản giao nhận nhiên liệu giữa Thương nhân với thuyền trưởng hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền cho cơ quan hải quan nơi thực hiện giám sát việc bơm xăng dầu.

6. Thương nhân có trách nhiệm nộp thuế các loại theo quy định đối với lượng xăng dầu đã làm thủ tục tái xuất nhưng sử dụng chạy chặng nội địa.

Mục 8
Thủ tục hải quan đối với xăng dầu xuất khẩu, tái xuất cho máy bay

Điều 36. Thủ tục hải quan

1. Thủ tục hải quan đối với xăng dầu xuất khẩu, tái xuất cho máy bay thực hiện theo quy định đối với hình thức đăng ký tờ khai một lần để xuất khẩu hoặc tái xuất nhiều lần (giao nhận trước, đăng ký tờ khai hải quan sau) và phải đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

2. Thương nhân khai 01 tờ khai cho tất cả các hãng hàng không quốc tế hoặc 01 tờ khai cho các hãng hàng không Việt Nam thực hiện các chuyến bay quốc tế xuất cảnh.

Điều 37. Hồ sơ hải quan

1. Đối với xuất khẩu xăng dầu:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này, điểm b.2 khoản 1 Điều 93 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

2. Đối với tái xuất xăng dầu:

Ngoài các chứng từ phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này, điểm b.2 khoản 1 Điều 93 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thương nhân nộp bổ sung các chứng từ sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh xăng dầu và được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không (loại hình dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không) tại cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay: 01 bản chụp;

b) Trường hợp các chuyến bay của các hãng hàng không không có Hợp đồng (các chuyến bay charter thu tiền mặt), Thương nhân nộp Đơn đặt hàng (order) của doanh nghiệp quản lý khai thác tàu bay: 01 bản chính; bản fax; e-mail; telex có xác nhận của giám đốc hoặc người được giám đốc ủy quyền ký tên, đóng dấu theo quy định và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của chứng từ.

Trong Đơn đặt hàng phải thể hiện rõ nội dung: Tên và địa chỉ người mua, người bán; số lượng dự kiến tra nạp; đơn giá và có ký xác nhận của bên mua,

bên bán; định mức lượng xăng dầu bay chặng nội địa (đối với các trường hợp tàu bay xuất cảnh có bay chặng nội địa), định mức lượng xăng dầu bay chuyến quốc tế; hành trình tàu; lượng xăng dầu dự kiến sử dụng; cam kết về tính chính xác và sử dụng lượng xăng dầu đúng mục đích.

Điều 38. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất; Chi cục Hải quan nơi máy bay xuất cảnh

1. Thực hiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 93 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư này.

2. Chi cục Hải quan nơi tàu bay xuất cảnh thực hiện việc giám sát từng lần giao hàng trên cơ sở chứng từ giao nhận hàng hóa (Hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho) do thương nhân xuất trình, thực hiện xác nhận "hàng hóa đã xuất khẩu" và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định đối với đăng ký tờ khai một lần quy định tại Điều 93 Thông tư 38/2015/TT-BTC.

3. Trường hợp cung ứng xăng dầu cho máy bay Việt Nam xuất cảnh nhưng có dừng tại một sân bay nội địa:

a) Công chức hải quan tiếp nhận từ hãng hàng không bản định mức xăng dầu sử dụng bay chặng nội địa (hãng hàng không hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về định mức này).

b) Căn cứ định mức xăng dầu sử dụng bay chặng nội địa, công chức giám sát xác nhận lượng xăng dầu thực tái xuất tính từ sân bay mà máy bay xuất cảnh.

c) Tính thuế, thu thuế đối với phần xăng dầu đã làm thủ tục tái xuất cho máy bay bay chạy chặng nội địa trong hành trình chạy tuyến quốc tế.

4. Chi cục Hải quan (nơi làm thủ tục tạm nhập xăng dầu) thực hiện hoàn thuế, không thu thuế tờ khai tạm nhập theo quy định.

Điều 39. Trách nhiệm của Thương nhân

1. Thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 93 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

2. Trước khi giao nhận hàng hóa, Thương nhân có trách nhiệm xuất trình cho cơ quan hải quan chứng từ giao nhận hàng hóa (Hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho) để cơ quan hải quan thực hiện việc giám sát. Trên Hóa đơn bán hàng phải thể hiện đầy đủ các nội dung: tên, loại, số hiệu phương tiện mua xăng dầu từ nguồn tạm nhập.

CHƯƠNG III
THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI DẦU THÔ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Điều 40. Địa điểm làm thủ tục hải quan

Tại Chi cục Hải quan thuận tiện.

Điều 41. Hồ sơ hải quan

1. Thực hiện theo quy định đối với xăng dầu, hóa chất, khí nhập khẩu, xuất khẩu tại Điều 7, Điều 12 Thông tư này.

2. Chứng từ phải nộp tại thời điểm có giá chính thức:

a) Thời điểm có giá chính thức là thời điểm được thỏa thuận trên Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Việc khai giá chính thức thực hiện theo quy định tại điểm b.1 khoản 1 Điều 17 Thông tư số 39/2015/TT-BTC.

b) Chứng từ phải nộp tại thời điểm có giá chính thức:

b.1) Hóa đơn thương mại (commercial Invoice) hoặc Hóa đơn giá trị gia tăng(GTGT): 01 bản chụp;

b.2) Thông báo kết quả giám định về lượng: 01 bản chụp.

Điều 42. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu

1. Thực hiện thủ tục, công tác giám sát, quản lý theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư này.

2. Thực hiện xác nhận hàng qua khu vực giám sát đối với dầu thô xuất khẩu theo quy định tại điểm c.4 khoản 1 Điều 52 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

3. Thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa là dầu thô xuất khẩu tại cảng dầu khí ngoài khơi theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 4 Thông tư này. Trường hợp Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan không thực hiện việc kiểm tra thực tế hàng hóa thì căn cứ Thông báo kết quả kết quả giám định.

4. Tờ khai xuất khẩu dầu thô phải được kiểm tra chi tiết hồ sơ.

Điều 43. Trách nhiệm của Thương nhân

1. Thực hiện việc khai hải quan trên tờ khai theo các chỉ tiêu thông tin tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

2. Thực hiện khai báo giá chính thức theo quy định tại điểm b.1 khoản 1 Điều 17 Thông tư số 39/2015/TT-BTC.

3. Mỗi quý, vào ngày 05 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, Thương nhân xuất khẩu dầu khí có trách nhiệm thông báo Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu dầu khí kế hoạch xuất khẩu trong quý. Thông tin bao gồm: Số lượng dự kiến xuất khẩu mỗi tháng, tần suất xuất trong tháng, địa điểm bơm hoặc khai thác.

CHƯƠNG IV
Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập phục vụ hoạt động dầu khí

Điều 44. Thủ tục hải quan

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Ngoài ra, có một số nội dung được hướng dẫn bổ sung như sau:

1. Địa điểm làm thủ tục hải quan:

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập phục vụ hoạt động dầu khí được thực hiện tại Chi cục Hải quan thuận tiện.

2. Thời hạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập:

Hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập phục vụ hoạt động dầu khí được lưu lại tại Việt Nam theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 187/2013/NĐ-CP.

3. Địa điểm đăng ký Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế phục vụ hoạt động dầu khí:

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp Danh mục hàng hóa miễn thuế được tách, cấp Danh mục miễn thuế và Phiếu theo dõi trừ lùi thành nhiều Phụ lục khác nhau theo đề nghị của người đăng ký danh mục nhưng phải đảm bảo nguyên tắc tổng lượng hàng hóa các Phiếu theo dõi trừ lùi được tách, cấp phải bằng tổng lượng hàng hóa trên Danh mục miễn thuế đã cấp và phù hợp với mục tiêu của dự án.

4. Một số trường hợp đặc thù:

a) Đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất theo Hợp đồng thuê mượn, Hợp đồng dịch vụ không tái xuất mà chuyển giao sang cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam theo hợp đồng thuê mượn, hợp đồng dịch vụ:

Căn cứ Hợp đồng thuê mượn, Hợp đồng dịch vụ với nhà thầu dầu khí khác tại Việt Nam, doanh nghiệp tạm nhập làm thủ tục tái xuất, doanh nghiệp trúng thầu Hợp đồng dầu khí tiếp theo làm thủ tục tạm nhập sau khi hoàn thành thủ tục tái xuất.

Hồ sơ hải quan thực hiện theo quy định đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, không thực hiện xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát.

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí từ 10 (mười) năm trở lên, đã hết thời hạn sử dụng hoặc không còn nhu cầu sử dụng:

Khi thực hiện thanh lý, Doanh nghiệp không phải kê khai tờ khai nhập khẩu theo quy định và có văn bản cam kết về việc hàng hóa thanh lý có nguồn gốc từ hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí. Các thủ tục liên quan đến thanh lý hàng hóa nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 85 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Về giá trị hàng hóa, năm nhập khẩu do doanh nghiệp tự kê khai và cam

kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật; chính sách thuế thực hiện theo quy định hiện hành.

c) Đối với hàng hóa tạm nhập nhưng không tái xuất mà chuyển thành hàng nhập khẩu để tạo tài sản cố định: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

d) Đối với tàu thuê từ nước ngoài để phục vụ hoạt động dầu khí hết theo Hợp đồng cung cấp hoặc Hợp đồng dịch vụ ký kết với các nhà thầu dầu khí:

Sau khi hết thời hạn thuê tàu, người khai hải quan phải đưa tàu vào khu vực giám sát hải quan để cơ quan hải quan thực hiện việc giám sát theo quy định, đồng thời cam kết thời hạn neo tàu tại Việt Nam để chờ ký Hợp đồng mới.

Khi tìm được Hợp đồng mới, người khai hải quan thực hiện mở tờ khai tái xuất và tờ khai tạm nhập để chuyển giao con tàu và bị xử phạt theo quy định.

Điều 45. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu

1. Thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư này.

2. Xác định hàng hóa đã xuất khẩu trường hợp hàng hóa xuất khẩu phục vụ hoạt động dầu khí được xuất khẩu từ đất liền: Thực hiện theo quy định tại Điều 53 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

3. Xác định hàng hóa đã xuất khẩu trường hợp hàng hóa xuất khẩu phục vụ hoạt động dầu khí được xuất khẩu từ cảng dầu khí ngoài khơi:

a) Công chức hải quan đối chiếu các thông tin trên Hệ thống dữ liệu điện tử hải quan với Vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển xác định hàng hóa đã xếp lên phương tiện vận tải xuất cảnh hoặc bản khai hàng hóa (đối với tàu dịch vụ dầu khí) để xác định hàng đã xuất khẩu;

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu được thanh lý bằng hình thức xuất khẩu, công chức hải quan đối chiếu các thông tin hàng hóa nhập khẩu với hàng hóa xuất khẩu, văn bản cam kết về việc hàng hóa thanh lý có nguồn gốc từ hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí làm cơ sở xác định thực trạng hàng hóa đưa vào, đưa ra lãnh thổ Việt Nam.

4. Thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa phục vụ hoạt động dầu khí xuất khẩu tại cảng dầu khí ngoài khơi theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 4 Thông tư này.

5. Thực hiện kiểm tra sau thông quan đối với tất cả các tờ khai nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa phục vụ hoạt động dầu khí tại cảng dầu khí ngoài khơi. Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu là doanh nghiệp ưu tiên thì có kế hoạch kiểm tra sau thông quan theo nguyên tắc kiểm tra định kỳ, đột xuất hoặc trọng điểm.

Điều 46. Trách nhiệm của Thương nhân

1. Thực hiện thủ tục hải quan theo quy định.

2. Trường hợp Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định giám sát trực tiếp hàng hóa theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 4 Thông tư này, Thương nhân có trách nhiệm phối hợp với công chức hải quan trong việc bố trí phương tiện di chuyển đến địa điểm lưu giữ hàng hóa và/hoặc trong quá trình vận chuyển hàng hóa.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2016 và bãi bỏ các Thông tư sau:

1. Thông tư số 139/2013/TT-BTC ngày 09/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với xăng dầu xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế xăng dầu; nguyên liệu nhập khẩu để gia công xuất khẩu xăng dầu.

2. Thông tư số Thông tư số 70/2014/TT-BTC ngày 28/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với khí và khí dầu mỏ hóa lỏng xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế khí và khí dầu mỏ hóa lỏng; nguyên liệu nhập khẩu để gia công xuất khẩu khí và khí dầu mỏ hóa lỏng.

Điều 48. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các trường hợp tạm nhập xăng dầu, khí, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu và gia công xuất khẩu xăng dầu, khí vào thời điểm Thông tư số 139/2013/TT-BTC và Thông tư số 70/2014/TT-BTC có hiệu lực thi hành nhưng thanh khoản vào thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì Thương nhân được lựa chọn thanh khoản theo hướng dẫn tại Thông tư số 139/2013/TT-BTC và Thông tư số 70/2014/TT-BTC hoặc quyết toán theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Chính sách thuế đối với xăng dầu xuất khẩu, nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế xăng dầu; nguyên liệu nhập khẩu để gia công xuất khẩu xăng dầu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 36/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016, Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính và Thông tư này theo từng loại hình tương ứng; đối với cùng nội dung có quy định khác giữa Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 36/2016/TT-BTC và Thông tư này thì thực hiện theo Thông tư này.

Điều 49. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chỉ đạo Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, theo dõi và triển khai thực hiện nội dung quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị phản ánh kịp thời Bộ Tài chính (qua Tổng cục Hải quan) để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Kiểm toán Nhà nước; Công báo;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ và trực thuộc Bộ; Website Hải quan;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TCHQ(290b).

BBGS01/XDCUTB

CỤC HẢI QUAN TỈNH/TP...
CHI CỤC HẢI QUAN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BBGS-ĐV

BIÊN BẢN GIÁM SÁT

Hồi... giờ... phút, ngày... tháng... năm..., tại.....

Chúng tôi gồm:

1. Ông (Bà):....., Công chức Đội:....., Chi cục Hải quan: .....

2. Ông (Bà):....., Công chức Đội:....., Chi cục Hải quan: .....

3. Ông (Bà):....., Đại diện Công ty:.....

4. Ông (Bà):....., Đại diện Phương tiện vận tải:.....

Cùng tiến hành lập Biên bản xác nhận sự việc sau:

Trước sự chứng kiến của đại diện Công ty....., công chức hải quan thuộc Chi cục Hải quan cửa khẩu..... tiến hành giám sát lô hàng thuộc tờ khai số... ngày... tháng... năm..., đăng ký tại Chi cục Hải quan cửa khẩu....., Cục Hải quan tỉnh/TP....., kết quả như sau:

A. Phương tiện vận tải:

.....

B. Thời gian giám sát:

Từ ...giờ ...phút, ngày... tháng... năm đến ...giờ ...phút ...ngày ...tháng ...năm.

C. Hàng hóa:

Tên hàng: .....

Lượng: .... (Quy đổi từ chỉ số của đồng hồ đo: Tích đầu:..... Tích cuối:...)

Toàn bộ lượng hàng trên được bơm từ Bồn/Bể..... của Công ty..... xuống phương tiện.....

D. Niêm phong hải quan:

Sau khi kết thúc việc bơm hàng, chúng tôi đã niêm phong tổng cộng... Seal, từ số... đến số... tại... bằng...; lỗ đo xăng dầu bằng... niêm phong hải quan, van bơm bằng... niêm phong...

Toàn bộ hàng đã được niêm phong hải quan giao cho chủ hàng có trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa để chuyển tới cửa khẩu xuất theo quy định.

Biên bản kết thúc hồi ...giờ ...phút ngày... tháng... năm..., lập thành 03 (ba) bản có giá trị như nhau, đã đọc cho những người có trên trên nghe, nhất trí và ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CHỦ HÀNG	**ĐẠI DIỆN PTVT**	**CHI CỤC HQ CK...**
(ký, ghi rõ họ tên)	**(ký, ghi rõ họ tên)**	**(ký, đóng dấu công chức)**

BBGS02/XDCUTB

CỤC HẢI QUAN TỈNH/TP...
CHI CỤC HẢI QUAN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BBGS-ĐV

BIÊN BẢN GIÁM SÁT

Hồi... giờ... phút, ngày... tháng... năm..., tại.....

Chúng tôi gồm:

1. Ông (Bà):....., Công chức Đội:....., Chi cục Hải quan: .....

2. Ông (Bà):....., Công chức Đội:....., Chi cục Hải quan: .....

3. Ông (Bà):....., Đại diện Công ty:.....

4. Ông (Bà):....., Đại diện Phương tiện vận tải:.....

Cùng tiến hành lập Biên bản, mở niêm phong hải quan, giám sát hàng hóa xuất khẩu như sau:

Lô hàng thuộc tờ khai số... ngày... tháng... năm..., đăng ký tại Chi cục Hải quan cửa khẩu....., Cục Hải quan tỉnh/TP....., được chở trên phương tiện....., bàn giao cho Chi cục Hải quan cửa khẩu....., Cục Hải quan tỉnh/TP....., làm tiếp thủ tục tái xuất theo quy định gồm:

A. Số niêm phong hải quan:

Số lượng niêm phong: ...Seal, vị trí niêm phong theo như Biên bản giám sát của hải quan cửa khẩu .....

Tình trạng niêm phong: .....

B. Hàng hóa gồm:

Tên hàng: ..... Lượng: .....

(Theo Biên bản bàn giao số: ....., ...ngày ....tháng ...năm)

Tên hàng: ..... Lượng: .....

(Theo Biên bản bàn giao số: ....., ...ngày ....tháng ...năm)

Tên hàng: ..... Lượng: .....

(Theo Biên bản bàn giao số: ……, …ngày ….tháng …năm)

Lượng hàng trên được hải quan cửa khẩu…… mở niêm phong và giám sát bơm lên tàu…… quốc tịch……..

Lượng hàng tồn (trường hợp tàu không tiếp nhận được hết toàn bộ lô hàng) ……..

Biên bản kết thúc hồi …giờ …phút ngày… tháng… năm…, lập thành 03 (ba) bản có giá trị như nhau, đã đọc cho những người có trên trên nghe, nhất trí và ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CHỦ HÀNG	**ĐẠI DIỆN PTVT**	**CHI CỤC HQ CK…**
(ký, ghi rõ họ tên)	**(ký, ghi rõ họ tên)**	**(ký, đóng dấu công chức)**